



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng tìm việc làm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000720	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	13					
2	000721	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	13					
3	000722	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	13					
4	000723	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	13					
5	000724	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	13					
6	000725	1101081101	Lều Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	13					HP
7	000726	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	13					
8	000727	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	13					
9	000728	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	13					HP
10	000729	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	13					HP
11	000730	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	13					
12	000731	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	13					
13	000732	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	13					
14	000733	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	13					
15	000734	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	13					HP
16	000735	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	13					
17	000736	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	13					
18	000737	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	13					
19	000738	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	13					
20	000739	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	13					HP
21	000740	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	13					HP
22	000741	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	13					
23	000742	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	13					
24	000743	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	13					HP
25	000744	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	13					
26	000745	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	13					
27	000746	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	13					HP
28	000747	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	13					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000748	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	13					
30	000749	1101080421	Nguyễn Văn	Tối	30/10/2005	TM11A	13					HP
31	000750	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	13					
32	000751	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	13					
33	000752	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	13					
34	000753	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	13					
35	000754	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	13					
36	000755	1101021039	Vũ Thị	Thảo	13/01/2005	KD12A	07					
37	000756	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	11					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2